

**KỠ ĐỒNG NGUYỄN VĂN CẨM (1875-1929)
QUA TÀI LIỆU HÁN NÔM
TRONG LƯU TRỮ HẢI NGOẠI PHÁP:
VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI VIỆT NAM THỜI THUỘC ĐỊA**

VIỆT ANH*

Tóm tắt: Nguyễn Văn Cẩm, tức Kỳ Đồng (1875-1929) là nhân vật ái quốc đáng chú ý trong sử Việt giai đoạn thuộc Pháp. Ông hưởng dương 54 tuổi và có tới gần 40 năm phải sống xa Việt Nam, ở những xứ thuộc địa của Pháp. Dù vậy, với vai trò từ một “đứa trẻ thần kỳ” [Kỳ Đồng: l'enfant merveilleux] tới một biểu tượng của tình yêu nước mà một số người Việt tôn vinh trao cho, ông đã trở thành biểu tượng để thực hiện khảo cứu về tiến trình vận động của xã hội Việt Nam đương thời. Bằng việc khai thác tài liệu Hán Nôm trong tổng thể tài liệu lưu trữ về Kỳ Đồng tại Lưu trữ hải ngoại Pháp (Archives nationales d'Outre-Mer, viết tắt: ANOM) và kết quả khảo cứu từ Lưu trữ quốc gia của Việt Nam, bài viết nhấn mạnh một số điểm nổi bật liên quan đến phong trào yêu nước trong xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: ANOM, Kỳ Đồng, Lý Văn Long, Nguyễn Văn Cẩm, tài liệu lưu trữ Hán Nôm

Abstract: Nguyen Van Cam, also known as Ky Dong (1875-1929) was a famous patriot in the history of Vietnam during the French colony. When he passed away at the age of 54, he had spent nearly 40 years outside of Vietnam in some colonies of France. However, thanks to the role of a "genius child" (Ky Dong: l'enfant merveilleux) and later on, a symbol of patriot granted by some Vietnamese, he became a bright candidate for the survey which studying the patriotic development proccess of then Vietnam society. By researching some Sino-Nom documents in the archives about Ky Dong at the Archives nationales d'outremer (ANOM) and the National Archives of Vietnam, this article highlights some outstanding points related to the patriotic movement in Vietnam during the late 19th - early 20th centuries.

Keywords: ANOM, Ky Dong, Ly Van Long, Nguyen Van Cam, Sino-Nom archives

Dẫn nhập

Nguyễn Văn Cẩm, mỹ danh Kỳ Đồng (1875-1929) là nhân vật đáng chú ý trong lịch sử Việt Nam giai đoạn thuộc Pháp. Theo ghi chép năm 1897 của Chéon là nhân viên an ninh của chính phủ Bảo hộ Pháp ở Đông Dương theo dõi nhân vật này, Nguyễn Văn Cẩm, tức Kỳ Đồng [đứa trẻ thần kỳ] quê quán tại làng Ngọc Đình (huyện Duyên Hà, xưa thuộc tỉnh Hưng Yên, nay thuộc tỉnh Thái Bình), cha mẹ là

nông dân. Từ năm 3 tuổi, người đời đã cho rằng Nguyễn Văn Cẩm thông minh, hiểu biết rất nhiều về Hán văn. Có giai thoại rằng: ngày đầu tiên đi học với người thầy là Huân đạo, cậu bé đã khiến người ta kinh ngạc bởi sự mẫn tiệp khi nghĩ ra một đôi câu đối trong khi cậu chưa từng được thầy nào truyền dạy. Cậu bé đã được gửi lên tỉnh Hưng Yên và tiếp tục gây sửng sốt cho quan

* TS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm

chức hàng tỉnh, cũng như được đồn thổi thêm nhiều lần về năng lực đa dạng, như là tài cất thuốc trị bệnh. Triều đình biết được tin ấy, đã lệnh cho tỉnh Hưng Yên thử tài cậu bé qua một số kỳ khảo hạch. Kết quả không như ý nhân vật chính: triều đình không công nhận biệt hiệu của cậu bé, danh xưng “Kỳ Đồng” chỉ do những người ái mộ cậu ấy gán cho. Dù sao, nhân vật này cũng đã sớm nổi tiếng trong vùng, và ngày càng được nhiều người tôn sùng. Nhìn từ góc độ an ninh thuộc địa, quan chức Pháp nhận thấy cần phải tách rời nhân vật này khỏi cộng đồng của anh ta, đồng thời rất nên tận dụng trí thông minh và kiến thức vốn có ở con người trẻ tuổi này. Theo đó, năm 1887, Nguyễn Văn Cẩm được gửi đi học ở Trung học Alger (xứ Algérie đương thời thuộc Pháp) và ở đó gần 10 năm. Ngày 26/11/1896, sau khi được cho hồi hương, Nguyễn Văn Cẩm tới Hà Nội trình diện nhà chức trách Pháp và viên Kinh lược của Nam triều. Sau một thập niên xa nước, đồng bào vẫn nườm nượp tới thăm gặp Kỳ Đồng, mang theo nhiều tiền bạc và quà tặng; danh tiếng về một người đồng bào tài năng chưa từng phai nhạt trong trí nhớ của dân Việt đương thời. Một số người được ông kể rằng: chính phủ chỉ cho ông 50 đồng mỗi tháng để khỏi phải làm bất cứ công việc gì. Sau đó ông về quê Thái Bình, mở trường dạy học với sự cho phép và ủng hộ của Công sứ tỉnh ấy. Trong thời gian này ông kết hôn, vợ ông là người làng Ngọc Huế (có lẽ là Ngọc Quế), gần với làng Ngọc Đình quê ông. Nhiều người bằng hữu đã hào phóng ủng hộ tiền bạc cho cuộc vui này của ông. Nguyễn Văn Cẩm không còn để tâm tới nghề thuốc nữa¹.

Cũng về Kỳ Đồng, theo một tài liệu Hán Nôm do người Việt Nam gửi tới Hoàng đế và bá quan văn võ của vương triều Anh quốc, được lưu trữ tại Public Record Office (London, Anh)²: Nguyễn

Văn Cẩm ở làng Ngọc Đình tỉnh Thái Bình, 7 tuổi đã được thiên phú khác người, cả nước biết tên. Sau 3 năm theo học tại trường Tây, ông đã học được các kỹ thuật ưu việt của nhiều quốc gia, không gì không am hiểu. Người Pháp nhiều phen muốn tận dụng năng lực của ông cho chính phủ Bảo hộ, nhưng ông không phục.

Trong khi tham khảo không khuất phục thông tin từ trong những báo cáo như vậy của người Pháp, bài viết tập hợp nhiều tài liệu Hán Nôm liên quan Nguyễn Văn Cẩm đã được tìm thấy trong ANOM, đặt trong tương quan với những tài liệu khác cùng hệ thống để làm rõ về con người ông. Từ trường hợp nhân vật Kỳ Đồng, một số điểm nổi bật của xã hội Việt Nam thuộc Pháp những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX được tái hiện, có phần khác với lịch sử xã hội Việt Nam thời quân chủ trước đó.

1. Lược khảo tài liệu Hán Nôm và tài liệu lưu trữ nói chung về Kỳ Đồng tại ANOM

Theo trình tự niên đại, hiện tại tìm thấy tài liệu Hán Nôm trong những hồ sơ từ khoảng năm 1892, qua những năm 1896-1898 tới năm 1929 khi Nguyễn Văn Cẩm qua đời tại Papeete (thủ phủ của xứ Polynésie thuộc Pháp).

Cụ thể: trong hai hồ sơ của Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (ký hiệu RST AF 34514-34515) những năm 1896-1898, các tài liệu Hán Nôm viết tay trên giấy dó gồm có:

- Bản giao ước 11 trang bằng Hán văn, có chữ ký của 61 người gồm chức sắc và dân chúng trong đồn điền nằm bên trái vùng Suối Giàng thuộc hạt Yên Thế. Nội dung văn bản cho biết: thời trước khi bắt đầu khai khẩn đồn điền, chúng dân cùng nhau góp tiền bạc giao cho Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm để chi dùng cho việc lập ấp, tạm đợi tới nông vụ năm sau. Đến nay (ngày 2 tháng 10 niên hiệu Thành Thái thứ

9, năm 1896), “Nay chúng dân tự nguyện đem số bạc nộp chung ấy giao cho ông Đốc Gillard thay Nguyễn Văn Cẩm lo liệu việc khai khẩn. Xin ông Đốc đại diện cho chúng dân truy vấn chính quyền Bảo hộ ở Bắc Kỳ để thu lại khoản bạc cho mùa màng nhà nông trị giá tiền là 1 vạn 7 ngàn 6 trăm 47 nguyên [17.647 đồng] và 4 hốt bạc. Do đương thời quốc gia vì việc công mà tịch thu số tiền bạc ấy tại xã Suối Káy [Suối Cây] là xã do Nguyễn Văn Cẩm lập nên và cư trú. Số tiền bạc này chia làm 2 phần: một phần do ông Đốc Gillard cấp cho làm chi phí ban đầu 3 ngàn 7 trăm nguyên [3.700 đồng], phần còn lại là tiền bạc riêng của dân hợp lại chi phí cho việc lập ấp. Số này có 1 vạn 3 ngàn 9 trăm 17 nguyên [13.917 đồng] và 4 hốt bạc. Hai phần tiền bạc nói trên chúng dân mong muốn ông Đốc Gillard đích thân nhận truy vấn [ở chính quyền Bảo hộ tại Bắc Kỳ]. Vì thế chúng dân trước tiên xin ông Gillard cấp một số tiền bạc cho chúng dân tiêu dùng, đợi khi truy vấn đòi lại được số tiền đã bị nhà nước tịch thu là 1 vạn 3 ngàn 9 trăm 47 nguyên thì khấu trừ số dư; xem còn lại bao nhiêu thì lại tạm cấp cho dân chúng để chi phí. Căn cứ theo việc phân hạng đối với khu bên trái Suối Giàng thuộc xã lập đồn điền hoặc các xã nhỏ trong toàn hạt Yên Thế mà lập giấy giao ước”. Ông Đốc Gillard được nhắc tới trong đó là Bác sỹ Gillard, người Pháp, cũng là một nhà khai thác thuộc địa, đã gặp Nguyễn Văn Cẩm trên chuyến tàu từ Alger về lại Đông Dương, từ đó cộng tác khai khẩn ruộng đất ở vùng rừng núi Yên Thế³.

- 1 bài văn vần chữ Nôm xen kẽ chữ Hán, nội dung khó hiểu.

- 1 bài thơ thất ngôn bát cú bằng Hán văn, nội dung dường như có ý thể hiện sự yên phận với những gì hiện có (cam lòng với cuộc sống nơi đồng ruộng), đồng thời

có sử dụng lối nói lái trong hai từ cuối và hai từ đầu của một số câu. Bài thơ này đã được nhà nghiên cứu Nguyễn Thế Anh phát hiện trong ANOM từ năm 1977 và trong công bố của mình, ông có trích dẫn thêm một phiên bản khác của bài thơ này: bài thơ mang tên “Đường lên Yên Thế” trong *Giai thoại làng Nho*⁴.

Bản ghi chép thượng dẫn những thông tin theo dõi của Chéron về hành trạng của Kỷ Đồng từ hồi nhỏ tới thời điểm năm 1892 cũng là một tài liệu nằm trong hồ sơ này.

Một hồ sơ khác của Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (ký hiệu RST AF 27689) có 8 thư viết tay trên giấy tây, bằng ba thứ chữ Nôm - Hán - Quốc ngữ của 8 người tù chính trị bị lưu đày tới trại Ducos (xứ Nouvelle-Calédonie thuộc Pháp) gửi thăm nhà vào niên hiệu Thành Thái thứ 10, năm 1898. Đương nhiên, những lá thư này không bao giờ được gửi tới tay thân nhân của họ, chúng bị giữ lại theo cách kiểm duyệt thư tín của nhà cầm quyền. Họ là Bùi Cự Tầm người xã Hải Yến tỉnh Hưng Yên, Trần Văn Vịnh ở xã Lương Hàn tỉnh Nam Định, Lê Quang Huy người làng Dương Liễu tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn Mai người làng Phương Man tỉnh Thái Bình, Đặng Văn Thành người xã Trà Phương tỉnh Hải Phòng, Nguyễn Văn Thọ người làng Phương Man tỉnh Thái Bình, Nguyễn Tiên người xã Phương Man tỉnh Thái Bình và Phạm Văn Tài người làng Mĩ Khê tỉnh Hải Dương. Nội dung chủ yếu của các thư này đều là nỗi nhớ gia đình, làng xóm, nhờ cậy gửi sang những trang phục truyền thống vừa để sử dụng hằng ngày vừa cho voi bót nổi tư hương. Đặc biệt thư của Phạm Văn Tài ở Hải Dương có phần khác biệt với 7 thư trước bởi phần mở đầu có cách diễn đạt văn hoa, ngôn từ cầu kỳ hơn hẳn. Trong số 8 thư gửi nhà của 8 người tù quốc sự này,

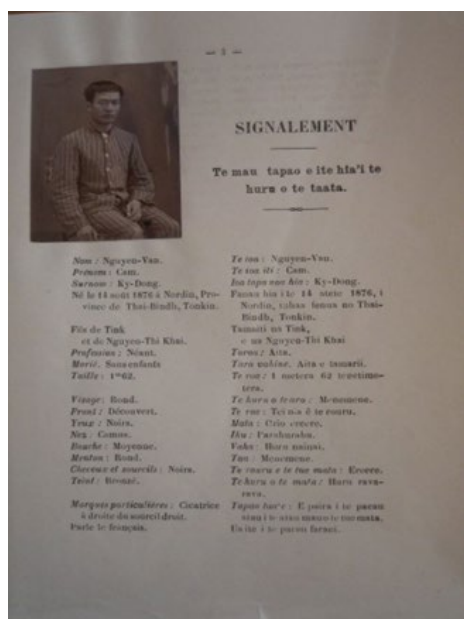
cách gọi “bà cụ”, “bà cụ Đồ” được đề cập nhiều lần, khiến chính phủ Bảo hộ Pháp ở Đông Dương phải cho điều tra tận địa phương. Kết quả điều tra cho biết, không tìm thấy ai có tên gọi như vậy ở làng Mĩ Khê thuộc tỉnh Hải Dương, chắc hẳn người phụ nữ được gọi như vậy sống ở làng Trà Phương thuộc tỉnh Hải Phòng, là cô của một trong số những người bị lưu đày kia. Cụ thể hơn, “Bà cụ Đồ” là vợ góa của một vị chức sắc giàu có trong làng xã, đông con nhiều cái; bà làm nghề hàng xáo, buôn xỉ, có lẽ vì thế bà đi lại nhiều sang các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, theo chú thích của nhà nghiên cứu Nguyễn Phan Quang⁵, bà cụ Đồ chính là bà thân sinh của Kỳ Đồng.

Trong hồ sơ của Nội các Đông Dương (ký hiệu INDO NF 602), các tài liệu Hán Nôm viết trên giấy tây gồm có một số thư tay của Kỳ Đồng được viết tại bán đảo Ducos (trong thư viết là Ducop, Nouvelle-Calédonie thuộc Pháp). Cụ thể như sau:

- Thư bằng Hán văn gửi qua bà mẹ vợ, bởi lẽ “Thần ban đầu muốn gửi thư về thân mẫu của thần nhưng sợ người Tây biết họ tên mẹ thần sẽ mở thư của thần ra xem, vậy nên thần gửi thư tới nhạc mẫu nhờ nhạc mẫu qua thăm mẹ thần, vợ thần cùng cả nhà thần với anh em, nói rằng thần muốn sự bình an mà trong tâm nhớ nước thương nhà, tưởng nhớ người tình nghĩa, thương nhớ người dân sự vật nước Nam”. Thư không ghi thời gian song nằm trong hồ sơ có niên đại 1898-1907. Người viết ký tên Nguyễn Kỳ Cẩm.

- Thư bằng Hán văn gửi mấy người Việt chưa rõ danh tính, trong ấy bày tỏ tình đồng bào, ý chí trước sau như nhất và lời nhờ mua 4 quyển sách khoa học bằng Pháp văn, cuối bức thư ký tên Nguyễn Kỳ.

Trong hồ sơ Nội các này, liên quan tới Kỳ Đồng, đáng kể còn có ba tài liệu bằng Pháp văn: thư của Nguyễn Văn Cẩm viết từ thành trì Saint-Martin-de-Ré phía tây nam nước Pháp, gửi Bộ trưởng Bộ Các Thuộc địa của Pháp đề ngày 6/5/1898, phản ánh hành trình nhọc nhằn trên đường lưu đày và đặt ra những câu hỏi về sự đối đãi dành cho mình trong tương lai nơi xứ lạ. Cũng cần kể tới bản dịch Pháp văn thư của bà Nguyễn Thị Khai - bà thân sinh của Kỳ Đồng tức Nguyễn Văn Cẩm, gửi Bộ trưởng Bộ Các Thuộc địa của Pháp từ Thái Bình, đề ngày 4/9/1907, bày tỏ tình cảnh “tôi chỉ có độc một đứa con trai, từ 13 tuổi đã bị nhà nước đưa biệt sang Pháp... Đã hơn chục năm con trai tôi phải cách biệt tôi, cũng không thể trở về cố quận để thân hôn định tính bên tôi lúc tuổi già...”⁶. Đặc biệt là văn bản của Phủ Thống đốc Polynésie thuộc Pháp tại Tahiti được in song ngữ bằng Pháp văn và thổ ngữ của xứ ấy, xác nhận một người An Nam tên Nguyễn Văn Cẩm tức Kỳ Đồng đã tới Papeete, là thanh niên khoảng 23 tuổi, người nhỏ nhắn trông tựa như người Trung Quốc song ăn vận theo lối Âu châu và nói thạo tiếng Pháp. Người này bị cấm rời khỏi xã Papeete nếu không có giấy phép đặc biệt. Kèm theo hình chân dung ngồi của nhân vật, lý lịch sơ lược được in kèm theo cho biết, Nguyễn Văn Cẩm sinh ngày 14/08/1876 tại Ngọc Đình (Thái Bình, Bắc Kỳ), đã kết hôn, không có con, cao 1m62. Nên nhấn mạnh, những tài liệu trong hồ sơ về Kỳ Đồng thuộc phong Nội các này cung hiến nhiều thông tin mới, cho phép mở rộng nhìn sâu thêm về nội tâm, ý chí và đời tư của ông.



Một trang tài liệu song ngữ (Pháp-Tahiti) trong hồ sơ cá nhân của Kỳ Đồng
Nguồn: Lưu trữ hải ngoại Pháp

Trong hồ sơ của Phủ Toàn quyền Đông Dương (ký hiệu GGI.53443) về trường hợp tội nhân bị Tòa Đê hình kết án, mặc dầu không có tài liệu Hán Nôm song hiện diện những tài liệu khác liên quan mật thiết tới Kỳ Đồng. Đó là thư bằng Pháp văn do ông viết ngày 8/9/1926 từ Papeete gửi Toàn quyền Đông Dương (thông qua Thống đốc xứ Océanie thuộc Pháp), đề đạt ý nguyện được tăng tiền sinh hoạt phí vốn giữ nguyên ở mức 2 francs mỗi ngày từ năm 1901 (thời điểm bắt đầu chịu cảnh lưu đày tại bản xứ), bị chính quyền Tahiti chỉ chi trả vào cuối mỗi tháng với sự quy đổi nhiều thua thiệt cho người nhận. Tài liệu bằng Pháp văn được phát ra từ chính quyền bản địa trong cùng hồ sơ xác nhận đã tiếp thu và có ý kiến về đơn này. Thêm nữa, một số thông tin về những năm cuối đời của ông ở nơi viễn xứ đã được thể hiện sống động trong hồ sơ này. Kết hợp với thành quả nghiên cứu đi trước, hành trạng của nhân vật nổi bật trong lịch sử Việt giai đoạn thuộc Pháp thêm phần sáng rõ.

2. Ưu tư chuyện nước nhà từ chốn lưu đày

Đặt trong bối cảnh khoa học kỹ thuật còn nhiều xa lạ với người Việt cuối thế kỷ XIX - đầu thế XX, cộng với sự quản lý nghiêm ngặt của chính phủ Pháp ở Đông Dương đối với tù chính trị, có thể mừng tượng nổi niềm khắc khoải của Kỳ Đồng trên hành trình lưu đày từ hải đảo nọ tới hải đảo kia, ngày một xa vời trông về cố quốc. Song, không uổng với danh tiếng - tư chất từ nhỏ đã luôn luôn được công chúng mến mộ, người thanh niên ở độ tuổi ngoài 20 không ngừng áp ủ những dự định có tầm vóc và có cả sự mạo hiểm vẫn sôi sục:

“Mong người nhà thần cùng với những người tình nghĩa xưa của thần chớ lấy làm sầu. Thần dầu thân mắc trong lao lý, tâm thường giữ đạo thủy chung, không biết người Nam có còn yêu thương thần như thần yêu thương người nước Nam hay không! Thần muốn tính việc Nam quốc nhưng hai lần ngộ nạn, thần chưa từng ân hận, huống nữa những người theo thần ai nỡ phản thần! Nay thần ở nơi này trốn tới Bắc quốc rất dễ, nhưng thiếu tiền tới 5 ngàn bạc. Xin với nhạc mẫu sai người em trai thần là Phan Văn Tiến bí mật có lời với những người có nghĩa xưa với thần tìm số [bạc] này rồi gửi cho thần đến nơi thần ở, sau đó sẽ định việc. Người em của thần hãy tới Hà Nội, nói với Toàn quyền rằng người em của thần muốn tới ở cùng thần. Nếu Toàn quyền cho phép thì người em thần hãy nên mua một số y phục kiểu Tây, đổi bạc nước Nam thành tiền Tây tại Hải Phòng. Sau đó lên tàu thủy mang theo số tiền Tây cho thần, chớ để người khác thấy số tiền Tây này. Nếu Toàn quyền không cho phép thì người em trai hãy nên gửi cho thần một lần, một lần chỉ 50 nguyên mà thôi. Người tình nghĩa với thần nếu tham

số bạc thì không xứng đáng, còn thì mong họ gửi thư cho thần cứ 2, 3 tháng một lần, mỗi lần 6, 70 nguyên để người Tây không thể cười chê người nước Nam [ta] mà rằng người nước Nam là loại vô thủy vô chung, từ đệ trông thấy sự phụ gặp nạn mà không đoái hoài tới thầy.

Thần cũng dặn người em thần nếu tìm được số bạc ấy thì gửi cho thần, nếu được thì sẽ mau chóng tới Bắc quốc (Trung Quốc). Nếu tìm không được thì trong vòng 3 năm thần cũng ắt sẽ đi Bắc quốc, mà trong vòng 5, 6 năm thần cũng ắt sẽ về lại nước Nam. Thần ngồi đợi xem người Pháp với người Hồng Mao (Anh quốc) đối địch nhau, xem họ thắng bại ra sao.

Ai muốn gửi thư cho thần hãy tới hỏi thân mẫu của thần xem thần ở nơi nào, sau đó viết thư, trong thư chớ kể việc nước Nam. Thần tuy ở nơi xa nhưng cũng đều đã biết.... Thần đã gửi mẹ thần 2 thư tay, không biết mẹ của thần có nhận được thư hay không.

Nếu mẹ thần muốn gửi thư, hãy viết bên ngoài thư như sau: Monsieur Ky Dong N^{lle} Calédonie (Ducos).

Kính chúc nhạc mẫu vạn sự bình an. Lại xin nhờ nhạc mẫu tới thăm mẹ thần cùng với vợ thần cùng cả nhà thần với các anh em, cùng gửi thư này tới. Kính chúc những người tình nghĩa xưa được vạn sự bình an”⁷.

Chưa tìm thấy thư từ đáp lại từ những người được Kỳ Đồng nhắc trong thư, ngoại trừ bản dịch Pháp văn thư của bà cụ thân sinh; dù vậy, có thể thấy một số đề nghị của ông trong thư này dường như vượt quá khả năng của thân quyến, bằng hữu, đệ tử, nhất là trong bối cảnh kinh tế nông nghiệp manh mún phổ biến nơi nông thôn Việt Nam và thiên tai vẫn thường là tai họa bất khả kháng đối với phần đông dân chúng. Người dân nơi quê ông, đầu là Thái Bình, Hải

Dương, Hưng Yên hay Hà Nội,... đa phần vẫn nghèo khó, lạc hậu. Chưa kể, Kỳ Đồng và những người liên quan không thể lường được sự theo dõi sát sao đối với tất cả họ, từ các cấp trong chính quyền Bảo hộ của Pháp ở Đông Dương. Hẳn là không người thân, người đồng chí hướng nào của Kỳ Đồng được phép tới gần ông trong khi chủ trương của nhà cầm quyền trong suốt hàng chục năm là tách biệt ông khỏi cộng đồng người Việt vốn không ngớt cuồng nhiệt đặt lòng mến mộ vào ông như là một kỳ vọng sâu xa về vận mệnh tươi sáng hơn của nước nhà.

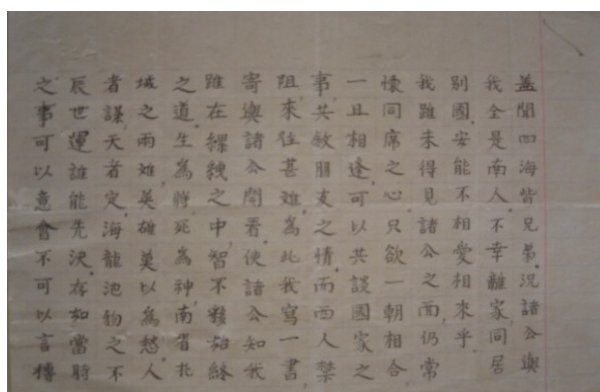
Trong những lời gửi gắm của Kỳ Đồng với thân nhân bằng hữu, có hé lộ dự định đi Trung Quốc. Trong suốt cuộc đời hưởng dương 54 tuổi, có tới gần 40 năm ông buộc phải sống xa quê, trong những xứ thuộc Pháp rất xa quê nhà và khu vực Á Đông của mình, không có cơ hội tới Trung Quốc hoặc đích thân trải nghiệm nhiều trong không gian văn hóa Hán học. Đây là một điểm khác biệt lớn trong tiểu sử của Kỳ Đồng so với nhiều vị chí sĩ - nhà ái quốc đương thời bị lưu đày chung thân hoặc do hoàn cảnh phải nhiều năm bôn ba hải ngoại, như Tôn Thất Thuyết (1839-1913), Phan Bội Châu (1867-1940), Phan Châu Trinh (1872-1926), Kỳ Ngoại hầu Cường Để (1882-1951)... Tôn Thất Thuyết trong 26 năm cuối đời bị giam lỏng tại Long Châu (Quảng Tây, Trung Quốc), từng nỗ lực tìm cách hỗ trợ khác từ phương Tây như nước Đức, đồng thời cũng đã được nhiều quan chức trong chính quyền phong kiến Trung Quốc trợ giúp. Học giả chí sĩ Phan Bội Châu từng tới Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc... cầu viện cầu học cho sức mạnh quốc gia. Học giả chí sĩ Phan Châu Trinh từng bị an trí nhiều năm ở Pháp song luôn luôn có tầm nhìn so sánh những điểm ưu điểm nhược của các nền Tây học và Hán học. Kỳ Ngoại hầu Cường Để gần

40 năm lưu vong ở Nhật Bản, từng trải nghiệm ở nhiều nước Âu châu và Á châu cùng với Trung Quốc... Như Kỳ Đồng nhấn nhủ trong thư: “Ai muốn gửi thư cho thần hãy tới hỏi thân mẫu của thần xem thần ở nơi nào, sau đó viết thư, trong thư chớ kể việc nước Nam. Thần tuy ở nơi xa nhưng đều đã biết”⁸, chắc hẳn ông nghe được, dù ít dù nhiều, hoạt động của các bậc tiền bối và những người đồng chí đồng tâm nguyện. Trung Quốc với vị trí lịch sử và vị thế văn hóa của mình luôn luôn là một địa chỉ mong muốn được khám phá, trải nghiệm của người ưa cầu học như người thanh niên Kỳ Đồng thời điểm ấy. Dù sao, khác với những giai thoại được đồng bào người Việt nâng niu lan tỏa về cậu bé thần kỳ, thực tế đã cho thấy, trong vòng cương tỏa của chính phủ Bảo hộ Pháp, thông tin trong thư này cho thấy, một số tiền lượng của Kỳ Đồng vào năm ngoài hai mươi tuổi cho bản thân đã không xảy ra: ông đã không có cơ hội đi tới Trung Quốc và cũng không thể hồi hương. Nguyện vọng có được một khoản tiền lớn để hoạt động cứu quốc cũng không thể thực hiện.

Bù đắp lại nỗi đau ấy, tha hương ngộ cố tri, từ trong thư của 8 người bị lưu đày hải ngoại năm 1898, có thể nhận thấy niềm an ủi từ vài người đồng bào chung cảnh ngộ nơi xa lạ:

“Tháng Ba năm nay quan Tây đưa tám người chúng tôi sang nước Tây, từ các xứ..., qua bảy, tám tháng đằng đẳng, may đến nay quan Tây đưa chúng tôi tới nước Nouméa trú tại thành Calédonie, được cùng với ông Kỳ [Đồng] ở chung một xứ, việc sinh hoạt hằng ngày như khi ở nhà, lại được họ có lòng tốt mua cho mũ áo khăn tây. Họ đối đãi chúng tôi rất hậu, như với người Tây, không có phân biệt. Nhưng lòng tôi thường thường tưởng nhớ nước nhà, chỉ muốn về lại nước Nam. Nhờ quan Tây có lòng nhân thả cho chúng tôi về lại nước Nam thì chúng tôi mang ơn đến chung cùng”⁹.

Ước vọng được trở về quê nhà là bản năng, canh cánh khôn nguôi trong lòng mỗi người xa xứ; cũng như nhu cầu cảm xúc tất yếu của người tha hương khi gặp nhau, muốn nương tựa vào nhau, để thổ lộ nỗi niềm cùng nhau. Huống gì, Kỳ Đồng ở tuổi ngoài đôi mươi, nhiệt huyết và tráng chí vì nước nhà đương sôi sục, chơ vơ giữa những vùng hải đảo, lại biết tin có những người đồng bào đồng tâm ở gần mình. Trong lời thư của người thanh niên từ nhỏ đã được trau giồi nền tân học của Pháp, vẫn đậm màu cổ học, nhất là phép diễn đạt kín đáo, thư bất tận ngôn:



Một trang trong thư Hán Nôm,
Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm gửi những người đồng bào cùng xa xứ
Nguồn: Lưu trữ hải ngoại Pháp

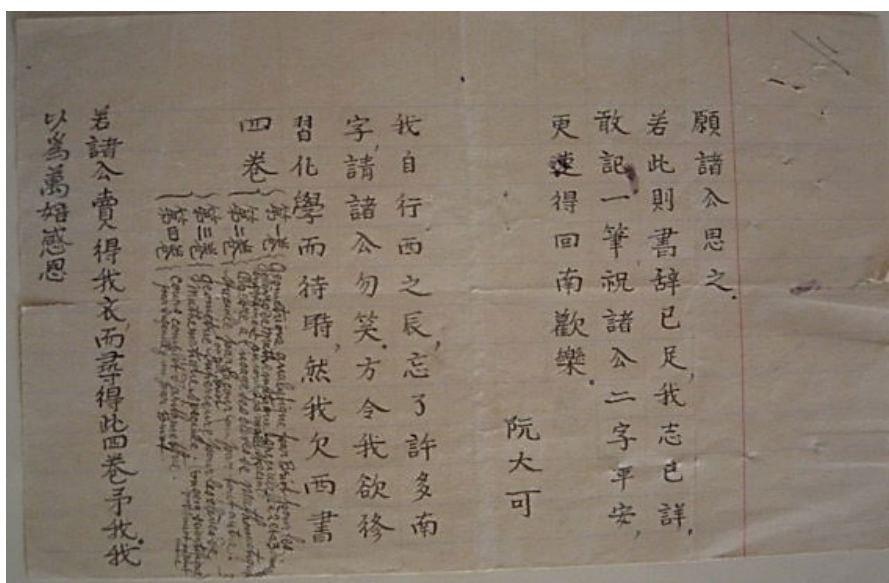
“Từng nghe, bốn biển đều là anh em, hưởng gì các ông với tôi đều là người nước Nam, chẳng may phải ly biệt cửa nhà cùng cư ngụ nơi nước khác, sao lại không yêu thương nương tựa vào nhau. Tôi tuy chưa được gặp mặt các ông nhưng thường nhớ tới. Chỉ muốn được một buổi nào tương hiệp tương phùng để mà cùng trò chuyện việc nước việc nhà, cùng bày tỏ tâm tình bằng hữu. Nhưng mà người Tây cảm đoán, qua lại rất khó khăn. Vậy nên tôi viết một tờ thư gửi các ông mở ra xem, để các ông biết tôi tuy trong vòng cương tỏa mà trí không sờn đạo thủy chung. Sinh làm tướng, tử làm thần, hai kiếp nạn nơi tỉnh Nam [Định] thành Hà [Nội] anh hùng ai chẳng không sâu. Mưu tính ở người mà định phận ở trời, rồng ở biển, phận mọn ở ao, không phải bởi thời thế vắn xoay thì ai mà tiên đoán nổi. Còn như sự tình đương thời, có thể lãnh hội trong ý nghĩ chớ chẳng thể truyền lời. Mong các ông suy nghĩ.

Như vậy thời thư từ là đủ, chỉ tôi đã tỏ tường. Mạo muội viết thư chúc các ông hai chữ bình an đăng mau chóng được về Nam hoan lạc”¹⁰.

Với nền tảng kiến thức Tây học được hấp thu trong thời gian dài hơn so với giai đoạn thâm nhuần cổ học, dường như ở Kỳ Đồng ít có thói quen than thở về nỗi tha hương, nhân sầu. Dầu là thư dài hoặc ngắn, số lượng thông tin trong ấy đều đầy ắp; đồng thời, văn phong của những bức thư ấy cũng phản ánh sự nén chặt nhiều ý tưởng chờ dịp bật lên, khát khao cơ hội hành động cho thỏa chí. Không gì khác, với người yêu nước và được thiên phú trí tuệ có phần khác thường so với người đương thời như Kỳ Đồng, sự thỏa chí có nghĩa là được dân thân - phụng sự - hoạt động vì nước và nhà. Trong bối cảnh chính quyền thuộc địa chủ ý cách biệt ông với môi trường hoạt động ái quốc ở Việt Nam đương thời, việc giữ được mức độ nồng nhiệt trong ý chí và tâm nguyện như ở Kỳ Đồng là rất đáng khâm phục.

3. Tự rèn luyện trong nghịch cảnh

Thư riêng của nhân vật là một nguồn tài liệu có giá trị chứng minh. Lời tái bút của Kỳ Đồng trong thư nhờ mua sách hóa học để tự học tập kiến thức là một trong số đó:



Một trang trong thư Hán Nôm,
Kỳ Đồng nhờ đồng bào người Việt xa xứ tìm mua sách hóa học Pháp văn
Nguồn: Lưu trữ hải ngoại Pháp

“Tôi từ khi đi Tây đã quên nhiều chữ nước Nam, xin các ông chớ cười. Nay tôi muốn học môn hóa học mà đợi thời nhưng tôi thiếu 4 quyển sách Tây.

(Quyển thứ nhất: Geometrie analytique par Briot pour les élèves de mathematique,

Quyển thứ hai : Algèbre à l’usage des élèves de mathematique speciale par Briot ou par G. Longchamps

Quyển thứ ba : Géométrie supérieure à l’usage des élèves de math. Spéciale,

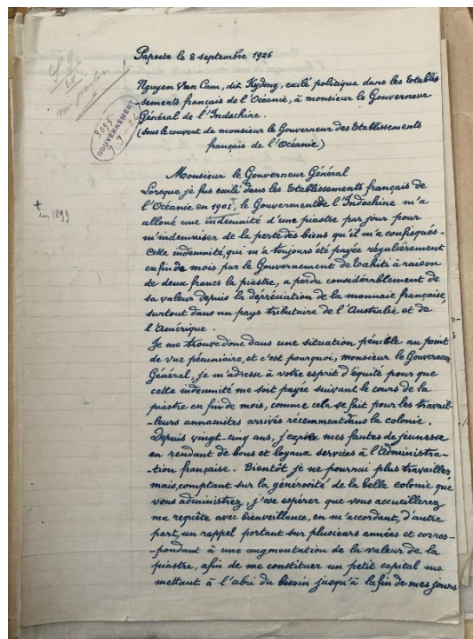
Quyển thứ tư: Cours complet d’arithmétique (de Dufeuilly),

[Quyển thứ năm: Géométrie descriptive à l’usage des élèves de l’école centrale et polytechnique par Jurisich.]

Nếu các ông bán áo cho tôi mà tìm được 4 quyển sách này cho tôi thì tôi cảm ơn vạn bội”¹¹.

Trong mấy dòng tự bạch ở tái bút này, Kỳ Đồng cho biết đã quên nhiều “chữ nước Nam” ; đây cũng là điều có thể hiểu khi đối chiếu vào thực tế rằng, ông đã được “búng” khỏi môi trường cổ học từ sớm để gần như áp đặt giáo dục Tây học. Theo tiêu sử đã biết, trong thời gian lưu học ở Algerie, Kỳ Đồng từng tới yết kiến cựu hoàng Hàm Nghi. Không ngẫu nhiên, hai bậc ái quốc này trong khi chịu đựng, chấp nhận cảnh sống lưu vong hàng chục năm trường, đã nén lòng nhớ về cố hương mà cần mẫn học tập, tiếp thu nhiều tri thức mới, thực hành những nghề nghiệp mới. Thêm nữa, trong 8 thư của 8 người tù quốc sự được sống cùng Kỳ Đồng trong một đoạn thời gian tại Nouvelle-Calédonie, có điểm chung là họ đều kể với người nhà rằng bản thân được đãi ngộ tốt tại nơi lưu đày. Chỉ trong thư kiến nghị của ông, được viết từ Saint-Martin-de-Ré (Pháp), gửi Bộ

trưởng các Thuộc địa của Pháp ngày 6/5/1898 mới thấy được những nỗi khó nhọc của một người Việt với thể lực khác xa người Âu Tây, phải chịu đựng trên hải trình đầy ải:



Một trang trong thư bằng Pháp văn,
Kỳ Đồng viết gửi
Toàn quyền Đông Dương, năm 1926
Nguồn : Lưu trữ hải ngoại Pháp

“Gửi ngài Bộ trưởng các thuộc địa,

Là tù nhân, tôi phải chấp nhận, không nhiều lời cái số phận mà chính phủ sẽ hạ cố dành cho tôi. Đến nay tôi chỉ có thể cảm ơn nước Pháp về việc vẫn để cho tôi sống và cho tôi bày tỏ một cách hàm ơn về những sự quan tâm mà người ta đã dành cho tôi ở những chốn lao ngục khác nhau. Quả thực là một vài nơi tôi đã được đối xử tốt hơn so với một số nơi khác, điều này đã được lãnh hội; sự thoải mái của một kẻ bị cầm tù có thay đổi theo quy chế ở những nơi giam giữ. Nhưng từ khi tôi bị bắt, tôi chưa bao giờ phải chịu đựng nhiều như trong 3 ngày ngồi ô-tô từ Toulon tới Rochelle. Đó là một gánh nặng quá nhọc

nhân và đầy đau đớn thể xác cũng như đau hẳn lên tuổi trẻ của tôi ... Hiện tại tôi đang ở Saint-Martin-de-Ré và tôi tính trong không lâu nữa sẽ đi tới Cayenne, duy có lẽ là tôi sẽ lại bị giam trong hầm tàu với những tù nhân lưu đầy, tôi mừng tượng trước về một hành trình đặng đặng với những điều kiện tệ hại, tinh thần và thân thể tôi sẽ bị đầy ải.

Vậy tôi cầu mong ngài Bộ trưởng rủ lòng thương mà gửi tôi cho những lính canh tàu để họ dành cho tôi chút tiện nghi trên tàu và để họ đừng có lẫn lộn một người lưu đầy chính trị với những kẻ trộm cắp hạ tiện và những kẻ sát nhân trợ tráo. Và cũng còn nữa điều khiến tôi lo lắng, liệu Pháp quốc có cho tôi sự tự do khi tôi tới Guyane, không khí chết chóc sẽ dành cho tôi chốn lưu vong? Xin ngài Bộ trưởng hãy rủ lòng nhân từ cao cả mà thấu tỏ điều này để tôi không phải chịu những phiền nhiễu vô ích.

Thêm nữa, có sao vẫn cảm tù tôi? Ngài chưa từng thấy một kẻ bị giam cầm nào vừa dễ bảo vừa nhẫn nhục hơn tôi chứ! Chẳng phải tôi đã phải rời xa Bắc Kỳ để tới Cayenne sao! Và có ích gì với chính phủ khi đã đưa tôi từ châu Á tới châu Mỹ để mà vẫn giam giữ tôi?...

Nguyễn Văn Cẩm Kỳ Đồng ký tên”¹².

“Kể từ khi tôi bị lưu đầy ở xứ Océanie thuộc Pháp từ 1901, Chính phủ Đông Dương đã cấp cho tôi 1 đồng [piastre] /ngày,... chỉ được chính quyền Tahiti chi trả vào cuối mỗi tháng với số tiền tương đương 1 đồng [piastre] bằng 2 quan Pháp [franc], nhưng tỷ giá bị hao hụt ở một xứ thổ dân của Australie và Mỹ châu. Trong tình cảnh thiếu thốn khôn khổ,... tôi đề nghị ngài Toàn quyền... chi trả cho tôi vào cuối tháng theo đúng số tiền cũng như đã chi trả cho thợ thuyền An Nam mới tới xứ thuộc địa. Từ 20 năm nay tôi đã phải trả giá cho những

lỗi lầm của mình từ thời non trẻ... Dù tôi không thể được làm việc nhưng nhân danh sự bao dung của xứ thuộc địa xinh đẹp mà các ngài cai trị, tôi mong ngài mở lòng với lời cầu xin của tôi, mặt khác đồng ý tăng cho tôi trong những năm tới số tiền để tôi có chút dất lưng chi tiêu cho nhu cầu cấp thiết tới cuối đời của tôi....”¹³.

Đề nghị này của Nguyễn Văn Cẩm đã được xác nhận trong công văn của chính quyền Océanie thuộc Pháp, soạn tại Papeete 09/10/1926: Nguyễn Văn Cẩm sinh 14/08 /1875 tại Ngọc Đình (xưa thuộc tỉnh Hưng Yên, đương thời là tỉnh Thái Bình), bị lưu đầy với thân phận tù quốc sự từ năm 1899, được đảm bảo sinh tồn với việc được cấp một nơi ở và sinh hoạt phí dành cho lính thuộc địa cùng với trang phục cần có, cụ thể là 2 quan/ngày cho thực phẩm, quần áo... lấy từ ngân sách chung của xứ Đông Dương. Đến nay y có đơn kêu cầu, phản ánh việc đồng tiền mất giá vì đã qua nhiều năm... Dù phản ánh của y không hoàn toàn đúng thực tế song cũng không nên bỏ qua lời kêu cầu này. Xét thấy y có một công việc để làm trong Hôpital de Papeete - nơi y nhận được một khoản thù lao cố định và thực phẩm, thì tuổi tác và sự tuân thủ quy định cũng như những công lao phục vụ của y từ năm 27 tuổi cho nên hành chính Pháp cũng nên được cân nhắc. Và rồi, trong đoạn thời gian ngắn ngủi của đời lưu vong dằng dặc của một người Việt yêu nước, mức độ đãi ngộ dành cho ông đã được cải thiện, dẫu rằng sự cải thiện ấy được nhắc tới trong công văn chứng tử cho ông : “Thống đốc Océanie thuộc Pháp (ở Papeete) gửi Toàn quyền Đông Dương (ở Hà Nội) ngày 16/08/1929, về việc “người lưu đầy vì quốc sự là Nguyễn Văn Cẩm, vốn được chu cấp khoản kinh phí 6 quan/ngày từ ngân sách chung của xứ Đông Dương, đã qua đời tại Nhà thương Papeete ngày 17/07/1929”¹⁴.

Kết luận

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Thế Anh, bên cạnh trường hợp “Kỳ Đồng” (enfant merveilleux trong tiếng Pháp) Nguyễn Văn Cẩm, tài liệu Lưu trữ hải ngoại Pháp còn cho biết một trường hợp “đứa trẻ thần kỳ” khác tiếp nối tiền bối, cũng xuất thân từ tỉnh Hưng Yên (Bắc Kỳ) đương thời, “Kỳ Đồng” Lý Văn Long. Quả thực, năm 1904, Lý Văn Long khoảng 13 tuổi (tức là có năm sinh khoảng 1891), chính quyền thuộc địa ở Bắc Kỳ nhận thấy đứa trẻ này cũng được dân địa phương và một số người đứng đầu phong trào chống Pháp suy tôn là có năng lực siêu nhiên, có sức hút quần chúng. Để nhanh chóng dập tắt một mầm họa, Toàn quyền Đông Dương là Paul Beau năm 1904 đã quyết định trục xuất Lý Văn Long từ Bắc Kỳ vào Nam Kỳ, cho học tại các trường Trung học Chasseloup-Laubat, Trường Nghề Sài Gòn. Trong khoảng 5 năm ở Nam Kỳ, Lý Văn Long đã học được nghề khắc gỗ cùng với nhiều kiến thức tân học. Trong khoảng những năm 1907-1909, đã có nhiều lần quan chức các cấp và chính bản thân Lý Văn Long xin được hồi hương về Bắc. Trong trường hợp “Kỳ Đồng” thứ hai này, có vẻ người Pháp đã can thiệp đủ sớm để không lập lại phiên bản yêu nước mang tính tôn sùng ái mộ tới mức mê tín của người Việt. Dù vậy, dự tính thêm lần kiến tạo một hình tượng thần đồng ái quốc siêu nhiên này phản ánh một thực tế: trong tiến trình lịch sử của lòng yêu nước, xu hướng thần thánh hóa nhân vật đứng đầu là một trong số lựa chọn của người Việt, dù là thử nghiệm hay chính thức.

Thỉnh nguyện thư Hán Nôm được viết năm 1908 đề tên Nguyễn Song Sơn gửi Hoàng đế cùng triều thần Anh quốc tác giả thư nhân danh đại diện cho dân chúng Việt Nam, vì nỗi khổ “Người Pháp xem người

Việt chẳng khác gì gia súc... cơ hồ ăn mày cũng chẳng còn nơi, chôn thây cũng không còn đất vậy” [Nguyễn Thế Anh: *đ.đ*], đã kêu gọi nước Anh giúp cho Kỳ Đồng được hồi hương để dân Việt có cơ đổi đời. Chính trong thư gửi nhà của Kỳ Đồng, cũng có thể nhận ra niềm tin - niềm kỳ vọng của bản thân về sự tôn sùng của đồng bào ở quê nhà dành cho mình. Có thể hiểu, đây là dấu tích của chủ nghĩa yêu nước truyền thống còn tồn tại đầu thế kỷ XX, đặt kỳ vọng của số đông vào một cá nhân.

Trên hết, những tài liệu Hán Nôm đặt trong tổng thể tài liệu lưu trữ về Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm cho thấy diễn tiến đa dạng của lòng yêu nước mà người Việt Nam ở nhiều tầng lớp, địa vị khác nhau dành cho quốc gia - dân tộc. Nhà cầm quyền, giai tầng thống trị luôn luôn muốn kiểm chế, triệt tiêu mầm mống phản kháng, đồng thời không bỏ qua ý định phát huy và tận dụng năng lực của công chúng để phục vụ cho quyền lợi của mình. Trong bối cảnh “sự đàn áp” của quyền lực không chỉ còn đơn thuần là lưu đày khổ sai hoặc thi hành án tử hình, mà nhiều trường hợp là an trí biệt xứ, áp đặt du học, sự thể hiện tinh thần yêu nước của người Việt có lẽ cũng đã linh hoạt thích ứng. Những nguồn tư liệu khác truyền thống mà tiêu biểu là tài liệu lưu trữ về Kỳ Đồng cho phép nhìn nhận rộng hơn về nhân vật lịch sử này, cũng như diện mạo sử Việt nói chung./.

V.A

Chú thích và Tài liệu tham khảo

1. ANOM: RST AF.34514, nguyên bản Pháp văn, V.A lược dịch.

Nguyên văn: “Nguyễn Văn Can dit Kỳ Đồng est originaire du village de Ngọc Đình, huyện de Duyên Hà, autrefois province de Hưng Yên, aujourd’hui province de Thái Bình. Ses parents qui existent encore, sont de simples paysans. Dès

l'âge de 3 ans, il faisait dit-on preuve d'une grande intelligence et avait déjà une grande connaissance des caractères chinois. Il excellait dans les exercices de style auxquels se livrent les enfants, à leurs débuts dans l'étude des caractères et que consistent en phrases ou sentences parallèles... D'après une version, il se rendit un jour à l'école du Huân đạo et l'émerveilla par la rapidité avec laquelle il composa une sentence parallèle et comme il dit n'avoir jamais étudié avec un maître... Il se rendit donc à Hưng Yên et fit connaître aux mandarins provinciaux l'existence de ce sujet remarquable qui connaissait les caractères sans avoir étudié... D'après une autre version, Nguyễn Văn Cam étudiait avec un maître qui ravi des progrès de son élève, lui fit une réputation exagérée : le maître y trouvait son avantage.... Quelque temps auparavant une circulaire de la Cour avait été envoyée dans les provinces, à l'effet de prescrire aux mandarins de rechercher s'il n'existait pas de personne méritante, de sujet capable et digne d'attirer particulièrement l'attention du roi. Nguyễn V. Cam fut alors mandé à Hưng Yên pour y subir une sorte d'examen, duquel il ressortit que sa prétendue science n'avait rien que de superficiel et il fut renvoyé chez lui. Il n'aurait donc pas, comme il peut le laisser entendre être qualifié de Kỳ Đồng (enfant merveilleux) par la Cour même. C'est une appellation qui lui fut donnée par ses admirateurs. Quoi qu'il en soit, Nguyễn Văn Cam jouit bientôt d'une célébrité universelle dans la région.... M. Brière, alors Résident de Nam Định, pensant qu'il y avait intérêt à éloigner cet indigène d'un milieu où il pouvait être dangereux à la faveur de circonstances dont l'éventualité était à redouter à l'époque, et à former cette jeune intelligence, qu'on vantait tant, à la connaissance des choses d'Occident, l'envoya au Lycée d'Alger, où il resta près de 10 ans....

Appelé à Hanoi pour se présenter devant les autorités, il arriva le 26 Novembre 1896. Il se présenta à M. le Directeur des Affaires Civiles et

à S.E. le Kinh lược... Il logeait dans une maison de la mission, près de l'Eglise où il recevait des visites continuellement. C'étaient des indigènes lui apportant les uns de l'argent, les autres de cadeaux, thé etc... A certain il disait que le Gouvernement lui donnait 50\$ par mois pour ne rien faire ou pour travailler.... Quelques temps après son arrivée à Thái Bình, il ouvrit une école que le Résident lui fit former.... Il s'est marié aux environs du Tết et a épousé une femme du village de Ngọc Huế près de Ngọc Đình, où il habite... Les frais des noces ont été supportés par les amis de Nguyễn Văn Cam, à qui l'on donne ou prête avec la plus grande facilité.

Il ne s'occupe plus de médecine.... ».

2. Nguyễn Thế Anh (1978), "Le nationalisme vietnamien au début du XXe siècle : son expression à travers une curieuse lettre au roi d'Angleterre" [Chủ nghĩa quốc gia Việt Nam vào đầu thế kỷ XX : Sự biểu đạt thông qua một lá thư lý thú gửi vua Anh quốc], Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient, Paris : t. 65, n° 2, p.421-430.

Bản dịch Việt văn : Nguyễn Thế Anh (2002), "Về một bức thư của người Việt Nam gửi vua nước Anh đầu thế kỷ XX", bản dịch Việt văn trong Nghiên cứu Huế, t. 3, Huế : Trung tâm Nghiên cứu Huế, p.168-178.

3. Trần Viết Nghĩa, Nguyễn Văn Ngọc (2019), « Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm qua một số tài liệu lưu trữ », Hà Nội : Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, n° 4, p.23-31.

4. Lăng Nhân, Sài Gòn: Nam Chi Tùng thư, 1972, p.717-718.

5. Nguyễn Phan Quang (2002), *Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm - Cuộc đời và Thơ văn*, Hà Nội: Văn học.

6. ANOM: INDO NF 602, nguyên bản là bản dịch ra Pháp văn.

"...J'ai uniquement un enfant nommé Kỳ Đồng se dit Nguyễn Văn Cẩm, à l'âge de 13 ans il s'était envoyé en France par les autorités

Européens... Plus de dix ans mon fils éloigné de moi et n'ayant peu retourner à notre terre pour vieillir ma vieillesse. »

7. ANOM: INDO NF 602, nguyên bản Hán Nôm, khoảng năm 1898, bản dịch của Việt Anh.

Nguyên văn: 願臣家人與臣舊義勿以為愁。臣雖身居於縲絏之中,心常守始終之道,不識南人尚存愛臣如臣愛南人否?臣欲圖南國之事而兩次遇難臣未曾有悔心,況臣從者之人誰忍反臣乎!今臣在此地逃於北國甚易,而欠了花銀五千,願岳母使臣弟潘文進密言與臣舊義之人尋得此數,更將予神在臣居處,然後定事。臣弟宜往河內說與全權言彼乃臣弟欲來與臣同居。若全權賜法,則臣弟宜賣許多西衣服,易南銀與西金在海防省然後升火船而將此數西金予臣,勿使他人見得金數。若全權不賜法,則臣弟宜寄蓄予臣一旦次,一次六七十元而已。若臣情義之人皆是貪苦數銀而不名,猶則彼亦宜寄書予臣二三月一次,一次六七十元使西人不能笑恥南人言南人都是無始無終之人,弟子見師遇難而不顧師。臣又諭臣弟宜尋得銀數而將予[予]臣。若此得回速得往於北國,如尋不得者則二三年之內臣亦必行中國而五六年之內,臣亦必回南邦。今臣坐待浪沙與紅毛共敵之辰看彼勝敗如何。

誰人欲寄書與臣者宜來問臣母何處所在,然後提書。於書中勿言南國之事,臣雖遠居而亦已知之。

阮奇錦

8. ANOM: INDO NF 602, nguyên bản Hán Nôm, đ.d.

9. ANOM: RST AF 29689, nguyên bản Hán văn, thư của Phạm Văn Tài, năm 1898, bản dịch của Việt Anh.

Nguyên văn: 茲年三月西官將忝等八人行西國...七八月間猶為縲絏幸今西官將忝等行烏郿國住在歌黎都尼城得與翁奇同居一處出入起居如在家辰又厚心買西帽衣服中履待忝甚厚如西人無別。然忝心常常思家只欲回南如西官有仁心放忝等感恩到底。

10. ANOM: INDO NF 602, nguyên bản Hán Nôm, khoảng năm 1898, bản dịch của Việt Anh.

Nguyên văn: 蓋聞四海皆兄。況諸公與我全是南人,不行離家,同居別國。安能不相愛相來乎。我雖未得見諸公之面。仍常懷同席之心。只欲一朝相合。一旦相逢,可以共談國家之事,共敘朋友之情,而西人禁阻,來往甚難。為此我寫一書,寄與諸公開看,使諸公知我雖在縲絏之中,智不移始終之道。生為將,死為神,南省北城之兩難,英雄莫以愁。人者謀,天者定,海龍池物之不振世運誰能先決。存如當時之事可以意會不可以言傳願諸公思之。

若此則書辭已足,我志已詳。敢記一筆祝諸公二字平安,更速得回南歡樂。

11. ANOM: Indo.NF.602, bản Hán văn có chú thích Pháp văn, năm 1898, bản dịch của Việt Anh.

Nguyên văn: 我自行西之辰,忘了許多南字,請諸公勿笑。方今我欲修習化學而待時,然我欠西書四卷:

第一卷 Geometrie analytique par Briot pour les élèves de mathematique,

第二卷 Algèbre à l'usage des élèves de mathematique speciale par Briot ou par G. Longchamps

第三卷 Géométrie supérieure à l'usage des élèves de math. Spéciale,

第四卷 Cours complet d'arithmétique (de Dufeuilly),

第五卷 Géométrie descriptive à l'usage des élèves de l'école centrale et polytechnique par Jurisch.

若諸公賣得我衣而尋得此四卷予我,我以為萬倍感恩。

12. ANOM : Indo.NF.602, bản Pháp văn, khoảng 1898, bản dịch của Việt Anh.

Nguyên văn: Monsieur le Ministre des colonies,

Etant prisonnier, je dois supporter sans rien dire, le sort que le gouvernement daignera me réserver. Jusqu'à présent je n'ai pu que remercier la France de celui qu'elle m'a laissé vivre encore et me déclarer reconnaissant des égards qu'on a eut pour moi dans les certains endroits, je me suis trouvé mieux que dans certains d'autres ; cela se

comprend ; le bien être d'un captif varie avec les règlements des lieux de détention. Mais, depuis mon arrestation, je n'ai jamais autant souffert que pendant les 3 jours de voiture cellulaire qui m'a transporté de Toulon à la Rochelle. C'était une charge trop lourde de douleurs physiques et suppres pour ma jeune... Maintenant je suis à St Martin de Ré et je compte de partir d'un moment à l'autre pour Cayenne, seulement comme comme il paraît que je vais être en cage sur le bateau, avec les forçats, je pense à l'avance qu'une longue traversée, faite dans ces conditions déplorables, va encore mettre mon esprit et mon corps en torture. Aussi j'ose prier, Monsieur le Ministre d'être assez bon pour me recommander aux gardiens du bord afin qu'ils me laissent quelques commodités sur le navire et afin qu'ils ne mêlent point un déporté politique avec des vulgaires voleurs et effrontés assassins.

Encore une chose qui m'inquiète ; c'est que j'ignore si la France me donnera la liberté lorsque j'arriverai à la Guyane, climat meurtrier qui me servira de terre d'exil ? Daignez, Monsieur le Ministre avoir encore la haute bienveillance de m'éclairer sur ce point pour que je ne me passe pas des tracas ni déceptions inutiles.

D'ailleurs, pourquoi me tenir encore captif ? A-t-on jamais vu un détenu aussi docile et aussi résigné que moi ? Ne serait-ce pas assez éloigné du Tonkin quand j'aborderai Cayenne ? Et à quoi cela sert-il au gouvernement de me faire voyager d'Asie en Amérique pour me garder toujours enfermé?..

Nguyen Van Cam Ky Dong.

13. GGI.53443, bản Pháp văn, năm 1926, bản dịch của Việt Anh.

Nguyên văn: « Lorsque je fus exilé dans les Etablissements français de l'Océanie en 1901, le Gouvernement de l'Indochine m'a alloué une indemnité d'une piastre par jour pour m'indemniser de la perte des biens qu'il m'a confisqués. Cette indemnité qui m'a toujours été payée régulièrement enfin de mois par le

Gouvernement de Tahiti à raison de deux francs la piastre, a perdu considérablement de sa valeur depuis la dépréciation de la monnaie française, surtout dans un pays tributaire de l'Australie et de l'Amérique.

Je me trouve donc dans une situation pénible au point de vue pécuniaire, et c'est pour quoi, monsieur le Gouverneur Général, je m'adresse à votre esprit d'équité pour que cette indemnité me soit payée suivant le cours de la piastre en fin de mois, comme cela se fait pour les travailleurs annamites arrivés récemment dans la colonie. Depuis vingt-cinq ans, j'expie mes fautes de jeunesse ... Bientôt je ne pourrais plus travailler, mais comptant sur la générosité de la belle colonie que vous administrez, j'ose espérer que vous accueillerez ma requête avec bienveillance, en m'accordant, dans d'autre part, un rappel portant sur plusieurs années et correspondant à une augmentation de la valeur de la piastre, afin de me constituer un petit capital me mettant à l'abri du besoin jusqu'à la fin de mes jours... ».

14. ANOM : GGI.53443, bản Pháp văn, năm 1926, bản dịch của Việt Anh.

“ ... le déporté politique NGUYEN VAN CAM, qui percevait une indemnité journalière de six francs au compte du Budget Général de l'Indochine, est décédé à l'Hôpital de Papeete, le 17 Juillet 1929”.

15. Nguyễn Thế Anh (1978), “Le nationalisme vietnamien au début du XXe siècle : son expression à travers une curieuse lettre au roi d'Angleterre” [Chủ nghĩa quốc gia Việt Nam vào đầu thế kỷ XX : Sự biểu đạt thông qua một lá thư lý thú gửi vua Anh quốc], Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient, Paris : tập 65, số 2, tr.421-430.

16. ANOM : RST.AF.34514, “Renseignement sur Nguyên Van Cam dit Kỳ-Đồng, 1897”, Lưu trữ hải ngoại Pháp (ANOM)

17. ANOM : RST.AF.34515, “Affaires Nguyên Van Cam dit Kỳ-Đồng..., 1897-1898”, Lưu trữ hải ngoại Pháp (ANOM)

18. ANOM : Indo.NF.602, “Nguyen Van Cam dit le Ky-Dong, 1897-1907”, Lưu trữ hải ngoại Pháp (ANOM)

19. ANOM : GGI.53443, “Dossier Nguyễn Văn Cẩm dit Kỳ Đồng (Condamnés Politiques)”, Lưu trữ hải ngoại Pháp (ANOM)

20. Nguyễn Thế Anh (2002), “Về một bức thư của người Việt Nam gửi vua nước Anh đầu thế kỷ XX”, bản dịch Việt văn trong *Nghiên cứu Huế*, tập 3, Huế : Trung tâm Nghiên cứu Huế, tr.168-178.

21. Việt Anh (2019), “Quan hệ Việt-Pháp ở thế kỷ XIX-XX nhìn từ thư riêng trong tài liệu lưu trữ: “Những người tha hương”, Hà Nội : Tạp chí *Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, số 5, 2019, Hà Nội; tr.45-53.

22. Trần Viết Nghĩa, Nguyễn Văn Ngọc (2019), “Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm qua một số tài liệu lưu trữ”, Hà Nội : Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 4, 2019; tr.23-31.

23. Nguyễn Phan Quang (2002), *Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm - Cuộc đời và Thơ văn*, Hà Nội: Văn học.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC NHÂN SỰ *TẠP CHÍ HÁN NÔM*

Thực hiện Quyết định số 13/QĐ-HN ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm, bổ nhiệm bà Vương Thị Hường, PGS.TS. Phó Tổng biên tập *Tạp chí Hán Nôm*, giữ chức vụ Tổng biên tập *Tạp chí Hán Nôm*.

Tạp chí Hán Nôm tin tưởng rằng, với những kinh nghiệm sẵn có trên cương vị Phó Tổng biên tập phụ trách trong nhiều năm qua, PGS.TS. Vương Thị Hường tiếp tục lãnh đạo *Tạp chí* ngày càng phát triển với một vị thế mới trong xu hướng khu vực hóa và quốc tế hóa.

Tạp chí Hán Nôm chân thành cảm ơn Chi ủy, Chi bộ và Lãnh đạo Viện Nghiên cứu Hán Nôm cùng toàn thể công chức, viên chức và người lao động, đã giành những tình cảm và sự quan tâm đặc biệt tới *Tạp chí Hán Nôm*.

Tạp chí Hán Nôm chúc mừng PGS.TS. Vương Thị Hường./.

P.V